

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/DS-ST
Ngày: 26/9/2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Quang Định

2. Bà Vũ Thị Xuyên.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2018/TLST-DS ngày 08/5/2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐST - DS ngày 22/8/2018, quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐST - DS ngày 12/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Thanh H. Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U - Quảng Ninh (được ủy quyền theo Quyết định số 4716/QĐ - NHCS ngày 25/11/2016), có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 2, khu B, phường P, thành phố U, tỉnh Q, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do và không có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Anh Bùi Văn M, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 2, khu B, phường P, thành phố U, tỉnh Q, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

-Hội liên hiệp phụ nữ phường P.

Địa chỉ: Phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị H. Chức vụ: Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ phường P, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 18 tháng 6 năm 2014 chị Nguyễn Thị H thông qua việc tín chấp của Hội liên hiệp phụ nữ phường P (gọi tắt là Hội phụ nữ phường P) đã vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U - Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Ninh với số tiền vay là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) theo sổ vay vốn có mã khách hàng là 090937. Mục đích sử dụng tiền vay: Nuôi trồng thủy sản. Thời hạn vay: 24 tháng. Lãi suất trong hạn 0,72%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn 0,936% tháng. Kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần. Lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng, vào ngày 18. Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 18/6/2016. Theo thỏa thuận của các bên thì chị Nguyễn Thị H là người vay, anh Bùi Văn M (chồng chị H) là người thừa kế khoản vay.

Quan điểm của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - bà Dương Thị Thanh H: Đến ngày 18/6/2016, chị H không trả được nợ cho Ngân hàng đúng như cam kết. Sau ngày 18/6/2016, khoản nợ trên của chị H đã được Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn đồng thời thông báo cho hộ vay biết. Qua nhiều lần, Ngân hàng cùng Hội phụ nữ phường P đã tiến hành đôn đốc và lập biên bản nhưng gia đình chị H không hợp tác. Tính đến hết ngày 18/12/2017, chị H đã trả được 20.164.000đ (Hai mươi triệu, một trăm sáu mươi tư nghìn) tiền nợ gốc và 8.684.800đ (Tám triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn đồng) tiền nợ lãi, từ đó đến nay chị H không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo như cam kết. Ngân hàng cùng chính quyền địa phương, hội phụ nữ phường P đã nhiều lần lập biên bản làm việc và đôn đốc nợ đối với chị H, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và Ngân hàng cũng không nhận được sự hợp tác của gia đình chị H. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 26/9/2018 bao gồm nợ gốc 9.836.000đ (chín triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng), nợ lãi 1.810.100đ (Một triệu tám trăm mười nghìn một trăm đồng). Tổng nợ 11.646.000đ (Mười một triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) đồng thời phải tiếp tục trả nợ lãi tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi chị H tất toán khoản vay.

Quan điểm của bị đơn chị Nguyễn Thị H: Ngày 02/6/2014, chị H có viết giấy đề nghị kiêm phương án sử dụng vốn vay, trưng trình cho vay hộ cận nghèo gửi Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch U để vay vốn. Theo đó, chị H được Ngân hàng cho vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Ngày 18/6/2014, chị H đã nhận đủ số tiền trên. Trong quá trình trả nợ, chị H đã trả được cho Ngân hàng hơn 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), số tiền lãi cũng đã trả được một phần còn cụ thể là bao nhiêu chị H

không nhớ. Tính đến ngày 25/4/2018, chị H còn nợ cả gốc và lãi Ngân hàng là 11.186.000đ (Mười một triệu một trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Quan điểm của chị H là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chị H không trả số tiền còn lại cho Ngân hàng. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết đúng sự việc.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/7/2018 đối với anh Bùi Văn M - là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, anh M có quan điểm: Anh M là chồng của chị H. Anh M được biết ngày 18/6/2014 chị H vợ anh M có vay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U để vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Thời hạn vay 24 tháng. Lãi suất trong hạn 0,72%/tháng. Lãi suất quá hạn 0,936% tháng. Hạn trả nợ cuối cùng ngày 18/6/2016. Mục đích sử dụng vốn vay để thực hiện phương án nuôi trồng thủy sản trong gia đình. Quá trình trả nợ, anh M và chị H đã trả nợ cho Ngân hàng hơn 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và lãi. Tính đến ngày 06/7/2018, anh M chị H còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 9.836.000đ (Chín triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng), nợ lãi tính đến ngày 06/7/2018 là 1.570.380đ (Một triệu năm trăm bảy mươi nghìn ba trăm tám mươi đồng). Nay, Ngân hàng khởi kiện anh M có quan điểm như sau: Mặc dù chị H vợ anh M là người đứng tên trong khoản vay nhưng khoản vay trên phục vụ cuộc sống của gia đình anh M. Anh M và chị H có trách nhiệm trả số nợ trên, tuy nhiên do hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn anh M, chị H không có điều kiện trả nợ. Anh M đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Hội phụ nữ phường P - Đại diện theo pháp luật bà Lê Thị H: Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U có ký hợp đồng ủy nhiệm với Hội liên hiệp phụ nữ phường P và các tổ trưởng tổ vay vốn của phường P về việc thu lãi, thu tiết kiệm và thực hiện một số nội dung khác trong quy trình cho vay của Ngân hàng chính sách xã hội. Về quy trình cho vay vốn: Qua việc xét duyệt của tổ, khu trình kèm theo danh sách những đối tượng được vay vốn ngân hàng, Hội phụ nữ và Ủy ban nhân dân phường P tổ chức xét duyệt và gửi lên ngân hàng chính sách cho vay vốn theo quy định. Hội phụ nữ không thực hiện việc giải ngân và thu tiền gốc và lãi hàng tháng, chỉ thực hiện việc tín chấp, hướng dẫn thủ tục, tiếp cận vốn, theo dõi đơn đốc trả nợ. Chị Nguyễn Thị H có giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay chương trình cho vay hộ cận nghèo. Sau khi nhận được đơn, tổ vay vốn của khu họp và xét duyệt, chuyển hồ sơ lên Hội phụ nữ và UBND phường P. Hội phụ nữ và UBND phường P thẩm định hồ sơ và xét thấy đủ điều kiện cho vay và đã chuyển hồ sơ lên Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U để cho chị H vay vốn theo quy định. Chị H được Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U cho vay 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Thời hạn vay 24 tháng, mục đích vay thực hiện phương án nuôi trồng thủy sản cho gia đình. Nay, chị H chưa trả đủ nợ cho ngân hàng chính sách xã hội thành phố U, quan điểm của Hội phụ nữ đề nghị chị H trả nợ theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều từ 30 đến Điều 40 BLTTDS. Các văn bản tố tụng được gửi Viện kiểm sát và tổng đạt cho các đương sự đúng quy định. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo quy định tại Điều 203 BLTTDS và thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán được quy định tại Điều 48 và khoản 2 Điều 203 BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn là Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này là đúng theo quy định của Điều 48, 70, 71 BLTTDS. Bị đơn là bà Nguyễn Thị H chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa có mặt đầy đủ khi Tòa án triệu tập.

- Việc giải quyết vụ án: có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Nguyễn Thị H phải trả nợ gốc và nợ lãi theo đúng thỏa thuận các bên đã ký kết và ông Bùi Văn M có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng chính sách.

Về trách nhiệm của Hội liên hiệp phụ nữ phường P: Hội liên hiệp phụ nữ phường P tiếp tục phải có trách nhiệm đôn đốc chị Nguyễn Thị H trả nợ ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam theo như đã thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án:

Hợp đồng được giao kết và thực hiện tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U và bị đơn có địa chỉ tại thành phố U, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về quan hệ pháp luật cần giải quyết: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về nội dung vụ án: Ngày 18 tháng 6 năm 2014 Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U - Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Ninh cho chị Nguyễn Thị H vay số tiền là

30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) theo sổ vay vốn có mã khách hàng là 090937, mục đích sử dụng tiền vay là nuôi trồng thủy sản, thời hạn vay là 24 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, lãi suất trong hạn là 0,72%/tháng, lãi suất quá hạn 0,936% tháng, lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 18, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 18 tháng 6 năm 2016. Bà Nguyễn Thị H đã nhận đủ số tiền này theo phiếu giải ngân ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 9.836.000đ (Chín triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng) và tiền lãi quá hạn. Căn cứ vào lời trình bày cũng như các tài liệu đại diện nguyên đơn đã nộp như Sổ vay vốn; sổ lưu từ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ; phiếu giải ngân ngày 18 tháng 6 năm 2014 cũng tại bản tự khai ngày 18 tháng 5 năm 2018 chị Nguyễn Thị H đã thừa nhận vay số tiền 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng) của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận chị Nguyễn Thị H vay Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) là đúng sự thật. Việc giao kết hợp đồng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, các bên đều hiểu được quyền và nghĩa vụ của mình đã được ghi trong sổ vay vốn. Tính đến hết ngày 18/12/2017, chị H đã trả được 20.164.000đ (Hai mươi triệu một trăm sáu mươi tư nghìn đồng) tiền gốc và 8.684.000đ (Tám triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn đồng) tiền lãi. Từ đó đến nay, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy, chị H vi phạm vào điểm c tiểu mục 2.2 mục 2 quy định về quyền và nghĩa vụ của người vay của Sổ vay vốn. Tính đến ngày 26 tháng 9 năm 2018, chị Nguyễn Thị H còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt nam cụ thể như sau: nợ gốc 9.836.000đ (Chín triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng); nợ lãi quá hạn là 1.810.100đ (Một triệu tám trăm mười nghìn một trăm đồng). Tổng 11.646.100đ (Mười một triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm đồng).

Từ đánh giá trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Nguyễn Thị H phải trả nợ gốc và nợ lãi theo đúng như các bên đã thỏa thuận.

Về trách nhiệm trả nợ: Mặc dù trong giấy đề nghị vay vốn, sổ vay vốn thể hiện một mình chị Nguyễn Thị H ký kết vay vốn với Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam nhưng mục đích khoản vay là nuôi trồng thủy sản cho gia đình. Đây là nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên anh Bùi Văn M phải có trách nhiệm trong việc trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

[3] Về trách nhiệm của Hội phụ nữ phường P, thành phố U, tỉnh Q: Ngày 27 tháng 12 năm 2014 Hội phụ nữ phường P, thành phố U là tổ chức chính trị xã hội có ký hợp đồng uỷ thác cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác với Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U. Trong đó khoản 2 Điều 3 của hợp đồng uỷ thác quy định Hội phụ nữ phường P có trách nhiệm đôn đốc người vay trả nợ gốc, lãi theo định kỳ đã thỏa thuận. Hội phụ nữ phường P thực hiện việc tín chấp đối với hội viên của mình nhưng đến nay chị Nguyễn Thị H chưa trả hết nợ gốc và chưa trả đủ nợ lãi theo như đã cam kết. Vì vậy Hội phụ nữ phường P tiếp tục phải có trách nhiệm đôn đốc chị Nguyễn Thị H, anh Bùi Văn M trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam theo như đã thỏa thuận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Nguyễn Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Điều 298, 372, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

-Khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình

-Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn M phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tổng số tiền là: 11.646.100đ (Mười một triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm đồng), trong đó: Nợ gốc: 9.836.000đ (Chín triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng); Nợ lãi quá hạn là 1.810.100đ (Một triệu tám trăm mười nghìn một trăm đồng) theo sổ vay vốn, mã khách hàng 090937 và giấy nhận nợ ngày 18/6/2014 mà chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn M đã thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Hội liên hiệp phụ nữ phường P, thành phố U, tỉnh Q tiếp tục có trách nhiệm đôn đốc chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn M trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam theo như đã thỏa thuận.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn M phải nộp 582.305đ (Năm trăm tám mươi hai nghìn, ba trăm linh năm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 26 tháng 9 năm 2018.

Vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND TP Uông Bí.
- Chi cục THADS TP Uông Bí.
- Các đương sự.
- Lưu án văn + Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Hải